

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỒNG PHÚ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /NQ-HĐND

Đồng Phú, ngày tháng năm 2022

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT
Về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn
đầu tư công 6 tháng cuối năm 2022

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG PHÚ
KHÓA XII - KỲ HỌP THỨ TƯ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 07/12/2021 của HĐND tỉnh Bình Phước về việc thông qua kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 3284/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh Bình Phước về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 215/QĐ-UBND ngày 27/01/2022 của UBND tỉnh Bình Phước về việc giao chi tiết kế hoạch vốn chương trình mục tiêu quốc gia dựng nông thôn mới năm 2022;

Căn cứ Nghị quyết số 57/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND huyện Đồng Phú về việc thông qua kế hoạch điều chỉnh, bổ sung vốn đầu tư công trung hạn 05 năm 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND huyện Đồng Phú về việc thông qua kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022;

Sau khi xem xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2022 của UBND huyện đề nghị điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công 6 tháng cuối năm 2022;

Trên cơ sở báo cáo thẩm tra của hai Ban Kinh tế - Xã hội HĐND huyện và ý kiến tham gia của các vị Đại biểu tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất điều chỉnh, bổ sung kế hoạch vốn đầu tư công 6 tháng cuối năm 2022, như sau:

1. Tổng kế hoạch vốn điều chỉnh, bổ sung 6 tháng cuối năm 2022 là: 330,067 tỷ đồng, trong đó:

1.1. Nguồn vốn ngân sách huyện: 290,109 tỷ đồng.

- Nguồn vốn tỉnh phân cấp theo định mức: 31,5 tỷ đồng;
- Nguồn thu tiền sử dụng đất: 153,272 tỷ đồng (Tỉnh phân cấp: 117,6 tỷ đồng; Huyện giao: 35,672 tỷ đồng).
- Nguồn vốn kết dư XDCB, Nguồn tăng thu tiền SDD năm 2021: 105,337 tỷ đồng;

1.2. Nguồn vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ: 39,958 tỷ đồng.

- Nguồn vốn tỉnh hỗ trợ huyện xây dựng 30 phòng học: 21,0 tỷ đồng
- Nguồn tỉnh hỗ trợ BTXM năm 2022: 9,958 tỷ đồng;
- Nguồn vốn tỉnh hỗ trợ xã NTM nâng cao: 9,0 tỷ đồng;

(Biểu số 01)

2. Phương án phân bổ: 330,067 tỷ đồng, như sau:

2.1. Bố trí các công trình, dự án chuyển tiếp giai đoạn 2016-2020: 27,4 tỷ đồng.

- Bố trí các dự án chuyển tiếp: 23,200 tỷ đồng (*Phụ lục 01*).
- Bố trí các dự án hoàn thành còn thiếu vốn: 4,044 tỷ đồng (*Phụ lục 02*).
- Chưa phân bổ chi tiết: 0,156 tỷ đồng (*Kết dư CTMT nộp trả tỉnh theo quy định*).

2.2. Bố trí danh mục chuyển tiếp năm 2021 sang năm 2022: 38,078 tỷ đồng (*Phụ lục 03*).

2.3. Bố trí vốn theo cơ cấu: 1,5 tỷ đồng, trong đó:

- Tắt toán các công trình quyết toán: 0,5 tỷ đồng.
- Vốn chuẩn bị đầu tư: 1,0 tỷ đồng.

2.4. Khởi công mới năm 2022: 232,689 tỷ đồng (*Biểu số 02*), trong đó:

- Danh mục tạm dừng 2021 chuyển sang 2022 thực hiện: 5,337 tỷ đồng.
- Đầu tư thị trấn Tân Phú đạt tiêu chí đô thị loại IV, Tân Lập lên đô thị loại V: 19,9 tỷ đồng.
- Duy trì huyện đạt chuẩn nông thôn mới; xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao: 157,742 tỷ đồng.

- Đầu tư trường học đạt chuẩn quốc gia: 43,240 tỷ đồng.

- Lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật, quy hoạch: 6,470 tỷ đồng.

2.5. Danh mục khởi công mới 6 tháng cuối năm 2022: 30,4 tỷ đồng (*Biểu số 02*).

(*Kèm theo Biểu số 02 và các Phụ lục 1,2,3 chi tiết*)

3. Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021 kéo dài sang 2022 là: 33,887 tỷ đồng, trong đó: Kế hoạch vốn tỉnh: 1,368 tỷ đồng; Vốn ngân sách huyện: 32,519 tỷ đồng.

(*Kèm theo Biểu số 03 và PL 01.B3*)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân huyện tổ chức thực hiện, giao Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban Kinh tế - Xã hội của Hội đồng nhân dân và các vị Đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Đồng Phú khoá XII, kỳ họp thứ tư thông qua ngày tháng năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- TT.HĐND tỉnh;
- TT Huyện ủy;
- TT.HĐND, UBND, UBMTTQVN huyện;
- Các Ban HĐND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Các cơ quan, ban, ngành đoàn thể huyện;
- TT.HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Công thông tin điện tử huyện;
- LĐVP, CV các khối;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Biểu số 01

KẾ HOẠCH VỐN ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG 6 THÁNG NĂM 2022

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày / /2022 của HĐND huyện)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch vốn điều chỉnh năm 2022	Ghi chú
1	2	3	4
	Tổng cộng (1)+(2)	330.067	
1	Nguồn vốn ngân sách huyện	290.109	
1.1	Nguồn vốn tỉnh phân cấp theo định mức	31.500	Quyết định số 3284/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh
1.2	Nguồn tiền sử dụng đất	153.272	
	- Tỉnh phân cấp	117.600	
	- Huyện giao thêm	35.672	
1.3	Nguồn kết dư XDCB và Nguồn tăng thu tiền SDD năm 2021	105.337	(Kết dư XDCB: 35,465 tỷ đồng, CTMT: 0,156 tỷ đồng; tăng thu SDD: 69,715 tỷ đồng;)
2	Nguồn ngân sách tỉnh hỗ trợ	39.958	
2.1	Nguồn vốn tỉnh hỗ trợ huyện xây dựng 30 phòng học	21.000	Quyết định số 3284/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh
2.2	Nguồn vốn tỉnh hỗ trợ NTM nâng cao	9.000	Quyết định số 215/QĐ-UBND ngày 27/01/2022 của UBND tỉnh
2.3	Vốn tỉnh hỗ trợ đường bê tông xi măng năm 2021	9.958	Quyết định số 215/QĐ-UBND ngày 27/01/2022 của UBND tỉnh

ĐIỀU CHỈNH DANH MỤC, KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022 - HUYỆN ĐỒNG PHÚ

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày / /2022 của HĐND huyện)

Đơn vị: Triệu đồng

Stt	Tên danh mục dự án, công trình	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/phê duyệt dự án	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2022	Kế hoạch vốn đã giao					Giải ngân đến 15/6/2022	Kế hoạch vốn năm 2022 điều chỉnh	Kế hoạch vốn điều chỉnh								Ghi chú
						Nguồn vốn tỉnh phân cấp theo định mức	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Trong đó		Nguồn vốn tính hỗ trợ huyện xây dựng phòng học			Nguồn vốn tỉnh phân cấp theo định mức	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Trong đó		Nguồn vốn tỉnh hỗ trợ huyện xây dựng phòng học	Nguồn tỉnh hỗ trợ BTXM năm 2022	Nguồn vốn tỉnh hỗ trợ NTM nâng cao	Nguồn vốn kết dư XDCB năm 2021, Nguồn tăng thu tiền SDD	
								Nguồn tỉnh phân cấp	Nguồn huyện giao tăng thu						Nguồn tỉnh phân cấp	Nguồn huyện giao tăng thu					
1	2	3	4	4	5=6+7+10+11+12	6	7=9+10	8	9	10	11	12=13+14+17+...20	13	14=15+16	15	16	17	18	19	20	21
	TỔNG CỘNG (A+B+C+D+E)			360.821	205.380	31.500	152.880	121.520	31.360	21.000	33.157	330.067	31.500	153.272	117.600	35.672	21.000	9.958	9.000	105.337	
A	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP TỪ GIAI ĐOẠN 2016-2020											27.400	0	0	0	0	0	0	0	27.400	
I	Bổ trí các dự án chuyển tiếp			0	0	0	0	0	0	0		23.200	0	0	0	0	0	0	0	23.200	Phụ lục 01
II	Bổ trí các dự án hoàn thành còn thiếu vốn			0	0	0	0	0	0	0		4.044	0	0	0	0	0	0	0	4.044	Phụ lục 02
III	Chưa phân bổ chi tiết			0	0	0	0	0	0	0		156	0	0	0	0	0	0	0	156	Kết dư CTMT tỉnh
B	DANH MỤC CHUYỂN TIẾP 2021			46.442	46.442	30.000	16.442	16.442	0	0	9.112	38.078	21.330	16.748	16.748	0	0	0	0	0	Phụ lục 03
C	BỔ TRÍ VỐN THEO CƠ CẤU			1.500	1.500	1.500	0	0	0	0	0	1.500	1.500	0	0	0	0	0	0	0	
I	Bổ trí tất toán các công trình đã Quyết toán			500	500	500	0	0	0	0		500	500	0	0	0	0	0	0	0	UBND huyện phân bổ chi tiết để tất toán các công trình
II	Bổ trí các danh mục chuẩn bị đầu tư 2023			1.000	1.000	1.000	0	0	0	0		1.000	1.000	0	0	0	0	0	0	0	
D	DANH MỤC ĐẦU TƯ MỚI ĐẦU NĂM 2022			272.179	157.438	0	136.438	105.078	31.360	21.000	24.046	232.689	8.670	136.524	100.852	35.672	21.000	9.958	4.200	52.337	
I	Danh mục tạm dừng 2021 chuyển sang 2022 thực hiện			6.000	4.200	0	4.200	4.200	0	0	0	5.337	1.137	4.200	4.200	0	0	0	0	0	
1	Xây dựng đường Nguyễn Huệ nối dài từ Tôn Đức Thắng đến đường Bắc Nam 3, khu phố Tân Liên, thị trấn Tân Phú.	Ban QLCDA huyện	4538/QĐ-UBND ngày 30/12/2020	6.000	4.200	0	4.200	4.200	0	0		5.337	1.137	4.200	4.200	0	0	0	0	0	
II	Đầu tư TT Tân Phú lên đô thị loại IV; xã Tân lập lên đô thị loại V			22.200	16.500	0	16.500	16.500	0	0	73,0	19.900	3.400	16.500	16.500	0	0	0	0	0	
	Lĩnh vực giao thông			22.200	16.500	0	16.500	16.500	0	0	73,0	19.900	3.400	16.500	16.500	0	0	0	0	0	
1	Xây dựng vỉa hè, điện chiếu sáng đường Âu Cơ đoạn từ Phú Riêng Đò đến ĐT 741 và xây dựng đoạn CPSĐ từ Tôn Đức Thắng đến đường Bắc Nam 3, khu phố Tân Liên, thị trấn Tân Phú (giai đoạn 2)	Ban QLCDA huyện	10008/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	6.000	4.200	0	4.200	4.200	0	0		5.900	1.700	4.200	4.200	0	0	0	0	0	
2	Xây dựng đường Tô 23 nối dài đến đường kết nối Tây Nam Đồng Xoài, thị trấn Tân Phú	Ban QLCDA huyện	10009/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	2.200	1.800	0	1.800	1.800	0	0		2.100	300	1.800	1.800	0	0	0	0	0	
3	Xây dựng đường quy hoạch D1 - Khu TTHC xã Tân Lập (đường bên hông Chợ)	Ban QLCDA huyện	10010/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	5.500	4.000	0	4.000	4.000	0	0		5.400	1.400	4.000	4.000	0	0	0	0	0	
4	Xây dựng đường tổ 8, tổ 10 khu phố Tân An, thị trấn Tân Phú	Ban QLCDA huyện	10011/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	3.500	2.500	0	2.500	2.500	0	0	73,0	2.500	0	2.500	2.500	0	0	0	0	0	
5	Xây dựng chính trang Công viên Khu Dân cư tập trung huyện	Ban QLCDA huyện	10012/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	5.000	4.000	0	4.000	4.000	0	0		4.000	0	4.000	4.000	0	0	0	0	0	
III	Duy trì huyện đạt chuẩn nông thôn mới; xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao			192.279	92.238	0	92.238	60.878	31.360	0	8.064	157.742	2.022	92.372	56.700	35.672	0	9.958	4.200	49.190	
a	Lĩnh vực giao thông			184.329	90.738	0	90.738	59.378	31.360	0	7.418	151.612	2.022	90.872	55.200	35.672	0	9.958	0	48.760	
1	Xây dựng đường DH Thuận Phú -Thuận Lợi (từ ĐT 758 vào ấp Đồng Búa), xã Thuận Phú	Ban QLCDA huyện	10013/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	23.500	18.000	0	18.000	18.000	0	0	278	18.392	0	18.392	14.080	4.312	0	0	0	0	
2	Xây dựng đường vào Trường MN Đồng Tiến (điểm ấp 4)	Ban QLCDA huyện	10014/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	800	800	0	800	800	0	0	28	770	0	770	770	0	0	0	0	0	
3	Xây dựng đường vào Điểm trường Km12 Trường TH và THCS Đồng Tâm, ấp 4, xã Đồng Tâm	Ban QLCDA huyện	10015/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	1.200	1.000	0	1.000	1.000	0	0		1.000	0	1.000	1.000	0	0	0	0	0	
4	Nâng cấp, mở rộng đường nối từ ĐT 753 đi nghĩa trang Nhân dân huyện Đồng Phú	Ban QLCDA huyện	10016/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	6.200	5.000	0	5.000	5.000	0	0	1.680	5.000	0	5.000	5.000	0	0	0	0	0	

Stt	Tên danh mục dự án, công trình	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư/phê duyệt dự án	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2022	Kế hoạch vốn đã giao					Giải ngân đến 15/6/2022	Kế hoạch vốn năm 2022 điều chỉnh	Kế hoạch vốn điều chỉnh								Ghi chú
						Nguồn vốn tỉnh phân cấp theo định mức	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Trong đó		Nguồn vốn tỉnh hỗ trợ huyện xây dựng phòng học			Nguồn vốn tỉnh phân cấp theo định mức	Nguồn thu tiền sử dụng đất	Trong đó		Nguồn vốn tỉnh hỗ trợ huyện xây dựng phòng học	Nguồn tỉnh hỗ trợ BTXM năm 2022	Nguồn vốn tỉnh hỗ trợ NTM nâng cao	Nguồn vốn kết dư XDCB năm 2021, Nguồn tăng thu tiền SDD	
								Nguồn tỉnh phân cấp	Nguồn huyện giao tăng thu						Nguồn tỉnh phân cấp	Nguồn huyện giao tăng thu					
5	Xây dựng đường trong khu căn cứ hậu cần huyện Đồng Phú	Ban QLCDA huyện	10017/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	3.000	2.170	0	2.170	2.170	0	0		2.170	0	2.170	2.170	0	0	0	0	0	
6	Xây dựng đường GTNT ấp Phước Tiến đi ấp Nam Đồ, xã Tân Phước	Ban QLCDA huyện	10018/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	17.000	14.000	0	14.000	14.000	0	0		15.714	2.022	13.692	13.692	0	0	0	0	0	
7	Xây dựng đường từ ngã ba dây điện đi khu tình thương, ấp Suối Nhung, xã Tân Hưng	Ban QLCDA huyện	10019/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	11.800	9.000	0	9.000	9.000	0	0		9.000	0	9.000	9.000	0	0	0	0	0	
8	Nâng cấp láng nhựa đường GTNT từ ấp Suối Đồi xã Tân Hưng đi ấp Cầu Rạt xã Tân Phước (đoạn trùng với đường TAPO5)	Ban QLCDA huyện	10020/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	2.727	2.500	0	2.500	2.500	0	0	863	2.500	0	2.500	2.500	0	0	0	0	0	
9	Xây dựng đường từ ĐT741 (bên hông trường TH Tân Lập) đến KDC ấp 4, xã Tân Lập (TLA12)	Ban QLCDA huyện	10021/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	10.000	6.000	0	6.000	0	6.000	0	309	6.900	0	6.000	0	6.000	0	0	0	0	900
10	Xây dựng đường từ ĐT 758 (ngã tư Nhân dân xã Thuận Phú) đến ngã tư Bảy Thạnh, xã Thuận Lợi	Ban QLCDA huyện	10022/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	10.000	6.000	0	6.000	0	6.000	0	361	6.967	0	6.080	80	6.000	0	0	0	0	887
11	Xây dựng đường từ ngã ba Nhà ông Ba Thu đi ngã ba nhà ông Ba Như ấp Suối Nhung, xã Tân Hưng	Ban QLCDA huyện	10023/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	15.000	8.000	0	8.000	0	8.000	0	3.899	14.846	0	8.000	0	8.000	0	0	0	0	6.846
12	Xây dựng đường từ ĐT753 ấp Suối Đa đến ấp 5 xã Tân Hưng	Ban QLCDA huyện	10024/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	21.600	11.360	0	11.360	0	11.360	0		21.458	0	11.360	0	11.360	0	0	0	10.098	
13	Xây dựng đường BTXM các tuyến đường GTNT trên địa bàn các xã, thị trấn.	UBND các xã, thị trấn		61.502	6.908	0	6.908	6.908	0	0		46.895	0	6.908	6.908	0	0	9.958	0	30.029	Phòng TCKH phối hợp Phòng NN và PTNT tham mưu UBND huyện giao chi tiết
b	Lĩnh dân dựng			7.950	1.500	0	1.500	1.500	0	0	645	6.130	0	1.500	1.500	0	0	0	4.200	430	
1	Xây dựng Nhà văn hóa ấp Thuận Phú 2 và Nhà văn hóa ấp Đồng Búa, xã Thuận Phú	UBND xã Thuận Phú	1816/QĐ-UBND ngày 04/5/2022	2.800								2.800							2.800		Giao KHIV tại QĐ số 734/QĐ-UBND của UBND huyện
2	Xây dựng nhà làm việc một cửa xã Thuận Phú	UBND xã Thuận Phú	1541/QĐ-UBND ngày 12/4/2022	1.400								1.400							1.400		
3	Xây dựng chính trang khuôn viên khu Tượng đài Thuận Phú	UBND xã Thuận Phú		1.800								0							0		Danh mục đề nghị chưa thực hiện (điều chỉnh nguồn vốn trung hạn)
4	Xây dựng trụ sở làm việc Ban CHQS xã Thuận Phú	Ban QLCDA huyện	9854/QĐ-UBND ngày 27/12/2021	1.950	1.500	0	1.500	1.500	0	0	645	1.930	0	1.500	1.500	0	0	0	0	0	430
IV	Đầu tư trường học đạt chuẩn quốc gia			43.400	38.500	0	17.500	17.500	0	21.000	15.453	43.240	2.111	17.800	17.800	0	21.000	0	0	2.329	
a	Lĩnh dân dựng			39.600	35.000	0	14.000	14.000	0	21.000	12.037	39.440	2.111	14.000	14.000	0	21.000	0	0	2.329	
1	Xây dựng 02 phòng học, nhà bếp Trường MN Thuận Lợi (điểm lẻ)	Ban QLCDA huyện	9851/QĐ-UBND ngày 27/12/2021	2.000	1.500	0	1.500	1.500	0	0	630	1.970	0	1.500	1.500	0	0	0	0	0	470
2	Xây dựng 02 phòng học điểm ấp 4 Trường MN Đồng Tiến (Điểm lẻ)	Ban QLCDA huyện	9850/QĐ-UBND ngày 27/12/2021	2.000	1.500	0	1.500	1.500	0	0	659	1.970	361	1.500	1.500	0	0	0	0	0	109
3	Xây dựng 06 phòng chức năng trường MN Tân Tiến	Ban QLCDA huyện	9852/QĐ-UBND ngày 27/12/2021	6.800	5.000	0	5.000	5.000	0	0	1.890	6.750	0	5.000	5.000	0	0	0	0	0	1.750
4	Xây dựng 06 phòng học chức năng, nhà bếp nhà kho Trường MN Thuận Phú	Ban QLCDA huyện	9853/QĐ-UBND ngày 27/12/2021	7.800	6.000	0	6.000	6.000	0	0	2.148	7.750	1.750	6.000	6.000	0	0	0	0	0	0
5	Xây dựng 12 phòng học, 06 phòng chức năng Trường Tiểu học Tân Lập	Ban QLCDA huyện	9856/QĐ-UBND ngày 27/12/2021	12.600	12.600	0	0	0	0	12.600	4.137	12.600	0	0	0	0	12.600	0	0	0	0
6	Xây dựng 12 phòng học Trường Tiểu học Đồng Tiến (điểm ấp 4)	Ban QLCDA huyện	9857/QĐ-UBND ngày 27/12/2021	8.400	8.400	0	0	0	0	8.400	2.573	8.400	0	0	0	0	8.400	0	0	0	0
b	Lĩnh vực khoa học công nghệ			3.800	3.500	0	3.500	3.500	0	0	3.417	3.800	0	3.800	3.800	0	0	0	0	0	

**DỰ ÁN GIAI ĐOẠN 2016-2020 CHUYỂN TIẾP
SANG GIAI ĐOẠN 2021-2025**

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày / /2022 của HĐND huyện)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn được kéo dài sang năm 2021			Kết quả thực hiện			Kế hoạch năm 2022	Ghi chú
			Cộng	Vốn tỉnh phân cấp	Vốn thu tiền sử dụng đất	Cộng	Vốn tỉnh phân cấp	Vốn thu tiền sử dụng đất		
1	2	3	4=5+6	5	6	7=8+9	8	9	10	11
	TỔNG CỘNG	168.659	55.059	2.606	52.454	31.859	0	31.859	23.200	
1	Tuyến số 1: (theo quy hoạch là tuyến kết nối số 02): Đầu tuyến giao với đường ĐT.741 (khoảng Km51+450, ấp 2, xã Tân Lập), cuối tuyến giao với đường Đồng Phú - Bình Dương (giáp đường trục khu tái định cư khoảng Km35), dài 10,48Km; quy mô đầu tư: Chiều dài tuyến 5,6/10,48Km, lộ giới 32m	26.125	7.528		7.528	81		81	7.446	
2	Tuyến số 2: (theo quy hoạch là tuyến kết nối số 03): Đầu tuyến giao với đường ĐT.741 (khoảng Km53+435), cuối tuyến giao với đường Đồng Phú - Bình Dương (giáp đường trục KCN tại khoảng Km32+600); Quy mô: Chiều dài tuyến 4,2/9,8Km, lộ giới 65m	40.366	13.421		13.421	5.870		5.870	7.551	
3	Tuyến số 3: (theo quy hoạch là tuyến kết nối số 04): Đầu tuyến giao với đường ĐT.741 (khoảng Km56+800), cuối tuyến giao với đường Đồng Phú - Bình Dương (giáp đường trục KCN tại khoảng Km30+200). Quy mô: Chiều dài tuyến 6,1/9,5Km, lộ giới 42m	46.152	9.208		9.208	6.706		6.706	2.502	

Số TT	Nội dung	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn được kéo dài sang năm 2021			Kết quả thực hiện			Kế hoạch năm 2022	Ghi chú
			Cộng	Vốn tính phân cấp	Vốn thu tiền sử dụng đất	Cộng	Vốn tính phân cấp	Vốn thu tiền sử dụng đất		
1	2	3	4=5+6	5	6	7=8+9	8	9	10	11
4	Tuyến số 4: (theo quy hoạch là tuyến kết nối số 05): Đầu tuyến giao với đường ĐT.741 (khoảng Km60+750), cuối tuyến giao với đường Đồng Phú - Bình Dương (giáp đường trục KCN tại khoảng Km27+600); Quy mô: Chiều dài tuyến 8,2/10,5Km, lộ giới 42m	29.786	18.848		18.848	16.483		16.483	2.365	
5	Tuyến số 5: Đầu tuyến giao với đường ĐT.741 (khoảng Km49+740), điểm cuối tại ranh nông trường cao su Tân Lập. Quy mô: Chiều dài tuyến 0,5/1,8km, lộ giới: 42m	7.571	730		730	0		0	730	
6	Xây dựng đường Tôn Đức Thắng nối dài đến KCN Bắc Đồng Phú	3.529	2.606	2.606		0	0	0	2.606	

DỰ ÁN GIAI ĐOẠN 2016-2020 VÀ NĂM 2021 CÒN THIẾU VỐN
(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày / /2022 của HĐND huyện)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Khối lượng hoàn thành	Kế hoạch năm 2022	Ghi chú
1	2	3	4	5
	Tổng số	4.043,54	4.043,54	
A	CÁC DỰ ÁN HOÀN THÀNH CÒN THIẾU VỐN	988,43	988,43	
1	Nâng cấp đường GTNT từ cầu Tô 4 đến ngã ba ông Ninh ấp Thuận Tân, xã Thuận Lợi	14,00	14,00	
2	Xây dựng công, hàng rào và sửa chữa nhà thi đấu khu Trung tâm Văn hóa thể thao huyện	77,00	77,00	
3	Trung tâm Văn hóa thể dục thể thao huyện Đồng Phú	44,00	44,00	
4	Xây dựng 14 phòng học lầu Trường Mầm non Tân Lập, xã Tân Lập, huyện Đồng Phú	92,00	92,00	
5	Xây dựng 10 phòng học lầu Trường TH Tân Phú	13,77	13,77	
6	Xây dựng các hạng mục phụ trợ và mua sắm trang thiết bị để Trường Mầm non Đồng Tiến đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1	17,00	17,00	
7	Xây dựng đường GTNT Đội 5, ấp 2 xã Đồng Tâm	25,66	25,66	
8	Nâng cấp, duy tu, sửa chữa đường GTNT từ ngã ba Quân Đoàn 4 đi cầu Hai Phước ấp 2, xã Đồng Tâm	29,00	29,00	
9	Duy tu, sửa chữa đường GTNT từ nhà ông Mạc đi Suối Thác ấp 3, xã Đồng Tâm	14,00	14,00	
10	Xây dựng trụ sở làm việc công an xã Tân Tiến, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước	11,00	11,00	
11	Xây dựng trụ sở làm việc xã đội xã Tân Tiến, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước	11,00	11,00	
12	Xây dựng trụ sở làm việc UBND xã Tân Tiến	42,00	42,00	
13	Nâng cấp láng nhựa đường GTNT liên ấp Thuận Hòa 1 đi Thuận An, xã Thuận Lợi	29,00	29,00	
14	Nâng cấp láng nhựa đường GTNT từ ngã ba Đồi Mù đi cầu Suối Băng ấp 2, xã Đồng Tiến	12,00	12,00	
15	Xây dựng đường N1, D4 khu TTHC xã Đồng Tâm	14,00	14,00	
16	Nâng cấp, duy tu, sửa chữa đường GTNT từ ngã ba Quốc Tế đến đường 312, ấp 3, xã Đồng Tâm	22,00	22,00	
17	Xây dựng Trường Mầm non Đồng Tâm (đạt chuẩn Nông thôn mới)	154,00	154,00	
18	Xây dựng Trường Mầm non Thuận Lợi đạt chuẩn nông thôn mới	18,00	18,00	
19	Xây dựng Trường TH và THCS Đồng Tâm đạt chuẩn nông thôn mới	41,00	41,00	

Số TT	Nội dung	Khối lượng hoàn thành	Kế hoạch năm 2022	Ghi chú
1	2	3	4	5
20	Xây dựng nhà thi đấu đa năng Trường THCS và THPT Đồng Tiến	20,00	20,00	
21	Lập quy hoạch chi tiết thị trấn Tân Phú	243,00	243,00	
22	Xây dựng, nâng cấp nhà văn hóa các ấp và trụ sở xã Thuận Lợi để đạt chuẩn nông thôn mới	33,00	33,00	
23	Xây dựng và mua sắm thiết bị Nhà văn hóa ấp Thuận Bình, xã Thuận Lợi	12,00	12,00	
B	DỰ ÁN NĂM 2021 BỔ TRÍ LẠI	3.019,00	3.019,00	
24	Xây dựng đường BTXM từ nhà ông Thánh đi nhà ông Hò ấp Đồng Bia	774,00	774,00	
25	Xây dựng đường BTXM từ NVH ấp đến nhà ông Nông Văn Lương, ấp Đồng Bia	18,00	18,00	
26	Xây dựng đường BTXM từ nhà ông Dụ đến nhà ông Đạt ấp Đồng Bia	911,00	911,00	
27	Xây dựng đường BTXM đi nhà ông Nguyễn Xuân Hà đội 3, ấp Suối Nhung	490,00	490,00	
28	Xây dựng đường BTXM từ đập tràn Suối Nhung đi ông Mư ấp Cây Cầy	336,00	336,00	
29	Xây dựng đường BTXM từ nhà ông Lê Viết Thanh ấp Suối Nhung	490,00	490,00	
C	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA 135	36,11	36,11	
1	XD đường từ nhà ông Thánh đến nhà bà Hạnh ấp Thạch Màng, xã Tân Lợi	1,48	1,48	CP Xây lắp
2	Xây dựng đập tràn vào khu đất 100ha, đội 4, ấp 1, xã Đồng Tâm	0,45	0,45	CP Thẩm tra TK BV TC
3	Nâng cấp đường vào khu đất 100 ha, xã Đồng Tâm	0,94	0,94	Cp Thẩm tra QT
4	XD đường vào Trạm Y tế xã Đồng Tâm	2,81	2,81	-nt-
5	XD đường nối tiếp từ ngã ba ấp Đồng Bia đi ấp Thạch Màng	8,98	8,98	-nt-
6	Xây dựng đường nội vùng khu đất sản xuất Chương trình 33, 134, 1592 thuộc ấp 2, xã Đồng Tâm, huyện Đồng Phú	17,78	17,78	-nt-
7	Kéo điện từ ngã ba cầu Năm Tấn đến Nhà ông Hư Văn Mư đội 5, ấp 1, xã Đồng Tâm	1,09	1,09	-nt-
8	Kéo điện tuyến nhà bà Nhung đội 4, ấp 2, xã Đồng Tâm	1,25	1,25	-nt-
9	Kéo điện tuyến nhà bà Hồng đến nhà bà Mỹ đội 1, ấp 3, xã Đồng Tâm	1,32	1,32	-nt-

DANH MỤC CHUYỂN TIẾP NĂM 2021 SANG NĂM 2022

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày / /2022 của HĐND huyện)

ĐVT: Triệu đồng

Stt	Tên danh mục dự án, công trình	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn Bộ Sung 2022	Kế hoạch vốn đã giao		Giải ngân đến 15/6/2022	Kế hoạch vốn năm 2022 điều chỉnh	Kế hoạch vốn điều chỉnh		QĐ phê duyệt báo cáo KTKT (thiết kế BVTĐ-Dự toán CT)	Ghi chú
					Nguồn vốn tỉnh phân cấp theo định mức	Nguồn thu tiền sử dụng đất phân cấp			Nguồn vốn tỉnh phân cấp theo định mức	Nguồn thu tiền sử dụng đất phân cấp		
	1	2	3					7=8+9	8	9	10	11
	DANH MỤC KHỞI CÔNG MỚI NĂM 2021		131.714	46.442	30.000	16.442	9.112	38.078	21.330	16.748		
I	ĐẦU TƯ THỊ TRẤN TÂN PHÚ ĐẠT TIÊU CHÍ ĐÔ THỊ LOẠI IV		50.064	14.945	0	14.945	0	15.334	0	15.334		
	LĨNH VỰC GIAO THÔNG		50.064	14.945	0	14.945	0	15.334	0	15.334		
1	Xây dựng đường Tổ 9 kết nối giao thông với đường Phú Riềng Đỏ (đường Đông Tây 8), khu phố Tân An, thị trấn Tân Phú	Ban QLCD huyện	1.800	174	0	174		180	0	180	4533/QĐ-UBND 30/12/2020	
2	Xây dựng đường Âu Cơ đoạn từ Phú Riềng Đỏ đến ĐT 741 và đoạn từ Tôn Đức Thắng đến đường Bắc Nam 3, khu phố Tân Liên, thị trấn Tân Phú	Ban QLCD huyện	8.400	3.677	0	3.677		3.880	0	3.880	4534/QĐ-UBND 30/12/2020	
5	Xây dựng cấp phối sỏi đỏ đường Ngô Quyền nối dài từ đường Tôn Đức Thắng đến đường Bắc Nam 3, khu phố Tân Liên, thị trấn Tân Phú	Ban QLCD huyện	5.000	960	0	960		1.000	0	1.000	4537/QĐ-UBND 30/12/2020	
6	Xây dựng đường Hùng Vương nối dài đến đường liên xã Tân Phú - Tân Hưng	Ban QLCD huyện	4.864	864	0	864		974	0	974	4539/QĐ-UBND 30/12/2020	
8	Xây dựng đường Nguyễn Hữu Thọ nối dài đến cầu Mới, khu phố Tân An, thị trấn Tân Phú	Ban QLCD huyện	2.500	219	0	219		250	0	250	4541/QĐ-UBND 30/12/2020	
9	Nâng cấp mở rộng đường Phạm Ngọc Thạch, khu phố Tân Liên, thị trấn Tân Phú	Ban QLCD huyện	24.000	8.552	0	8.552		8.552	0	8.552	4543/QĐ-UBND 30/12/2020	
10	Nâng cấp hệ thống thoát nước và vỉa hè đường Lạc Long Quân đoạn đường từ Phú Riềng Đỏ đến đường Tôn Đức Thắng, thị trấn Tân Phú	Ban QLCD huyện	3.500	500	0	500		498	0	498	9135/QĐ-UBND ngày 02/12/2021	
II	LẬP QUY HOẠCH CHI TIẾT CÁC XÃ, THỊ TRẤN VÀ QUY HOẠCH CHUNG 02 XÃ TÂN LẬP, TÂN TIẾN ĐẠT TIÊU CHÍ ĐÔ THỊ LOẠI V		21.450	14.065	12.869	1.196	0	5.984	4.788	1.196		
	LĨNH VỰC QUY HOẠCH		21.450	14.065	12.869	1.196	0	5.984	4.788	1.196		
1	Lập quy hoạch chung xã Tân Tiến theo định hướng phát triển đô thị loại V	Phòng Kinh tế và HT	3.000	1.500	1.500			1.500	1.500		4510/QĐ-UBND 30/12/2020	
2	Lập quy hoạch chi tiết xây dựng các điểm dân cư nông thôn ấp Thái Dưng xã Tân Tiến (giáp ranh với thị trấn Tân Phú)	Phòng Kinh tế và HT	1.000	500	500			566	566		8017/QĐ-UBND ngày 12/10/2021	

Stt	Tên danh mục dự án, công trình	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn Bổ Sung 2022	Kế hoạch vốn đã giao		Giải ngân đến 15/6/2022	Kế hoạch vốn năm 2022 điều chỉnh	Kế hoạch vốn điều chỉnh		QĐ phê duyệt báo cáo KTKT (thiết kế BVTK-Dự toán CT)	Ghi chú
					Nguồn vốn tỉnh phân cấp theo định mức	Nguồn thu tiền sử dụng đất phân cấp			Nguồn vốn tỉnh phân cấp theo định mức	Nguồn thu tiền sử dụng đất phân cấp		
	1	2	3					7=8+9	8	9	10	11
3	Quy hoạch chi tiết phía bắc khu TTHC huyện	Phòng Kinh tế và HT	2.000	1.000	1.000			874	874		8018/QĐ-UBND ngày 12/10/2021	
4	Lập quy hoạch chi tiết khu TTHC huyện Đồng Phú mở rộng sang phía Tây hồ Bàu Cọp	Phòng Kinh tế và HT	6.000	5.840	5.840			0	0		4513/QĐ-UBND 30/12/2020	Danh mục đề nghị cắt giảm
5	Lập quy hoạch chi tiết khu dân cư Chợ Thuận Phú	Phòng Kinh tế và HT	800	400	400			0	0		7691/QĐ-UBND ngày 08/9/2021	Giảm vốn
6	Điều chỉnh quy hoạch khu hoa viên Quân sự Kiểm lâm	Phòng Kinh tế và HT	200	100	100			94	94		4515/QĐ-UBND 30/12/2020	
7	Điều chỉnh quy hoạch khu dân cư xã Tân Tiến	Phòng Kinh tế và HT	1.000	500	500			500	500		4516/QĐ-UBND 30/12/2020	
8	Lập quy hoạch chi tiết điểm dân cư, kết hợp chợ ấp Thạch Màng xã Tân Lợi	Phòng Kinh tế và HT	450	225	225			196	196		7781/QĐ-UBND ngày 16/9/2021	
9	Lập quy hoạch chi tiết Khu dân cư ấp Dền Dền, thị trấn Tân Phú, huyện Đồng Phú	Phòng Kinh tế và HT	2.200	1.100	1.100			0	0		4519/QĐ-UBND 30/12/2020	Danh mục đề nghị cắt giảm
10	Lập quy hoạch chi tiết khu dân cư tập trung ấp 1, xã Tân Lập	Phòng Kinh tế và HT	700	350	350			111	111		7687/QĐ-UBND ngày 08/9/2021	
11	Lập quy hoạch chi tiết khu dân cư tập trung ấp 4, xã Tân Lập	Phòng Kinh tế và HT	1.100	550	550			143	143		7686/QĐ-UBND ngày 08/9/2021	
12	Lập quy hoạch chung xã Tân Lập theo định hướng phát triển chung đô thị loại V	Phòng Kinh tế và HT	3.000	2.000	804	1.196		2.000	804	1.196		
III	ĐẦU TƯ DUY TRÌ HUYỆN ĐẠT CHUẨN NTM VÀ XÂY DỰNG XÃ ĐẠT CHUẨN NTM NÂNG CAO		9.500	301	0	301	0	218	0	218		
III.1	LĨNH VỰC HẠ TẦNG KỸ THUẬT		9.500	301	0	301	0	218	0	218		
1	Xây dựng đường quy hoạch Khu dân cư ấp 9 xã Tân Lập	Ban QLCD huyện	9.500	301		301		218		218	4546/QĐ-UBND 30/12/2020	
IV	ĐẦU TƯ TRƯỜNG HỌC ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA THAY THẾ PHÒNG HỌC XUỐNG CẤP VÀ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG NĂM 2018		25.900	277	277	0	0	150	150	0		
IV.1	LĨNH VỰC GIÁO DỤC		22.400	264	264	0	0	138	138	0		
1	Xây dựng 24 phòng học Trường Tiểu học Thuận Phú, xã Thuận Phú	Ban QLCD huyện	18.300	155	155			138	138		1615/QĐ-UBND ngày 29/3/2021	
2	Xây dựng nhà thi đấu đa năng Trường THCS và THPT Đồng Tiến	Ban QLCD huyện	4.100	109	109			0	0		4551/QĐ-UBND ngày 30/12/2020	Giảm vốn
IV.2	LĨNH VỰC KHOA HỌC CÔNG NGHỆ		3.500	12	12	0	0	12	12	0		

Stt	Tên danh mục dự án, công trình	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn Bổ Sung 2022	Kế hoạch vốn đã giao		Giải ngân đến 15/6/2022	Kế hoạch vốn năm 2022 điều chỉnh	Kế hoạch vốn điều chỉnh		QĐ phê duyệt báo cáo KTKT (thiết kế BVTK-Dự toán CT)	Ghi chú
					Nguồn vốn tỉnh phân cấp theo định mức	Nguồn thu tiền sử dụng đất phân cấp			Nguồn vốn tỉnh phân cấp theo định mức	Nguồn thu tiền sử dụng đất phân cấp		
	<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>					<i>7=8+9</i>	<i>8</i>	<i>9</i>	<i>10</i>	<i>11</i>
1	Đầu tư lĩnh vực khoa học công nghệ (Mua sắm trang thiết bị Trường TH Tân Phú; Trường TH Tân Tiến; Trường TH&THCS Tân Phước; Trường TH&THCS Đồng Tâm; Trường TH&THCS Thuận Lợi; Trường THCS Tân Tiến)	Phòng KT và HT (Cơ quan Thường trực Hội đồng KHCN huyện)	3.500	12	12			12	12		4526/QĐ-UBND 30/12/2020	
V	Danh mục công trình khởi công mới 6 tháng cuối năm 2021		24.800	16.854	16.854	0	9.112	16.392	16.392	0		
1	Xây dựng Nhà làm việc một cửa và khối đoàn thể xã Tân Lập	Ban QLCD huyện	3.500	2.300	2.300		1.372	2.276	2.276		8076/QĐ-UBND ngày 15/10/2021	
2	Xây dựng 02 phòng học Trường MN Đồng Tâm, xã Đồng Tâm (điểm lẻ)	Ban QLCD huyện	2.400	1.584	1.584		781	1.529	1.529		8075/QĐ-UBND ngày 15/10/2021	
3	Xây dựng 12 phòng học Trường THCS Thuận Phú, xã Thuận Phú	Ban QLCD huyện	14.800	10.300	10.300		5.711	10.252	10.252		8073/QĐ-UBND ngày 15/10/2021	
4	Xây dựng nhà thi đấu đa năng Trường THCS Tân Tiến	Ban QLCD huyện	4.100	2.670	2.670		1.248	2.335	2.335		8074/QĐ-UBND ngày 15/10/2021	

DANH MỤC DỰ ÁN Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn năm 2021 kéo dài sang 2022

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày / /2022 của HĐND huyện)

Đơn vị: đồng

Stt	Tên danh mục dự án, công trình	Chủ đầu tư	Mã dự án	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giao năm 2021			Kế hoạch vốn năm 2021 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân đến 31/12/2022				Chi Chú	
					Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó				
						Nguồn vốn tính phân cấp theo định mức	Nguồn thu tiền sử dụng đất phân cấp		Nguồn vốn tính phân cấp theo định mức	Nguồn thu tiền sử dụng đất phân cấp	Nguồn tính hỗ trợ BTXM năm 2021		
1	2	3	4	5	6=7+8+9	7	8	9	10=11+12+13	11	12	13	14
	TỔNG CỘNG (A+B)			142.638.000.000	81.884.000.000	21.899.000.000	60.035.000.000	1.876.000.000	32.519.147.066	13.465.788.508	17.333.287.165	1.720.071.393	
A	BỐ TRÍ CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ 2022					1.433.000.000	493.000.000		1.926.000.000	1.433.000.000	493.000.000		Phụ lục 01.B3
B	DANH MỤC KHỞI CÔNG MỚI NĂM 2021			142.638.000.000	81.884.000.000	20.466.000.000	59.542.000.000	1.876.000.000	30.593.147.066	12.032.788.508	16.840.287.165	1.720.071.393	
I	ĐẦU TƯ THỊ TRẤN TÂN PHÚ ĐẠT TIÊU CHÍ ĐÔ THỊ LOẠI IV			59.364.000.000	32.464.000.000	10.722.000.000	21.742.000.000	0	18.493.450.365	8.818.410.282	9.675.040.083	0	
	LĨNH VỰC GIAO THÔNG			59.364.000.000	32.464.000.000	10.722.000.000	21.742.000.000	0	18.493.450.365	8.818.410.282	9.675.040.083	0	
1	Xây dựng đường Tổ 9 kết nối giao thông với đường Phú Riêng Dô (đường Đông Tây 8), khu phố Tân An, thị trấn Tân Phú	Ban QLCD huyện	7885006	1.800.000.000	1.620.000.000	1.620.000.000	0	0	1.504.747.153	1.504.747.153	0		
2	Xây dựng đường Âu Cơ đoạn từ Phú Riêng Dô đến DT 741 và đoạn từ Tôn Đức Thắng đến đường Bắc Nam 3, khu phố Tân Liên, thị trấn Tân Phú	Ban QLCD huyện		8.400.000.000	4.520.000.000	4.520.000.000	0	0	4.520.000.000	4.520.000.000	0		
3	Xây dựng đường cấp phối sỏi đỏ Tổ 33 (đường Đông Tây 11) nối dài đến đường kết nối phía Tây Nam Đồng Xoài, khu phố Thắng Lợi, thị trấn Tân Phú.	Ban QLCD huyện		1.800.000.000	1.800.000.000	1.582.000.000	218.000.000	0	1.800.000.000	1.582.000.000	218.000.000		
4	Xây dựng cấp phối sỏi đỏ đường Ngô Quyền nối dài từ đường Tôn Đức Thắng đến đường Bắc Nam 3, khu phố Tân Liên, thị trấn Tân Phú	Ban QLCD huyện	7881512	5.000.000.000	4.000.000.000	0	4.000.000.000	0	3.493.916.430	0	3.493.916.430		
5	Xây dựng đường Hùng Vương nối dài đến đường liên xã Tân Phú - Tân Hưng	Ban QLCD huyện	7893044	4.864.000.000	3.890.000.000	0	3.890.000.000	0	2.450.951.156	0	2.450.951.156		
6	Nâng cấp hệ thống thoát nước và vỉa hè đường Phú Riêng Dô đoạn từ đường Nguyễn Hữu Thọ đến đường Phạm Ngọc Thạch, thị trấn Tân Phú	Ban QLCD huyện	7881511	7.500.000.000	7.384.000.000	0	7.384.000.000	0	327.468.671	0	327.468.671		
7	Xây dựng đường Nguyễn Hữu Thọ nối dài đến cầu Mới, khu phố Tân An, thị trấn Tân Phú	Ban QLCD huyện	7885007	2.500.000.000	2.250.000.000	0	2.250.000.000	0	1.882.546.714	0	1.882.546.714		
8	Nâng cấp mở rộng đường Phạm Ngọc Thạch, khu phố Tân Liên, thị trấn Tân Phú	Ban QLCD huyện	7881510	24.000.000.000	4.000.000.000	0	4.000.000.000	0	1.302.157.112	0	1.302.157.112		
9	Nâng cấp hệ thống thoát nước và vỉa hè đường Lạc Long Quân đoạn đường từ Phú Riêng Dô đến đường Tôn Đức Thắng, thị trấn Tân Phú	Ban QLCD huyện	7932241	3.500.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000	0	0	1.211.663.129	1.211.663.129	0		
II	LẬP QUY HOẠCH CHI TIẾT CÁC XÃ, THỊ TRẤN VÀ QUY HOẠCH CHUNG 02 XÃ TÂN LẬP, TÂN TIẾN ĐẠT TIÊU CHÍ ĐÔ THỊ LOẠI V			11.250.000.000	5.125.000.000	4.125.000.000	1.000.000.000	0	4.185.578.226	3.185.578.226	1.000.000.000	0	
	LĨNH VỰC QUY HOẠCH			11.250.000.000	5.125.000.000	4.125.000.000	1.000.000.000	0	4.185.578.226	3.185.578.226	1.000.000.000	0	
1	Lập quy hoạch chung xã Tân Tiến theo định hướng phát triển đô thị loại V	Phòng Kinh tế và HT		3.000.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000	0	0	1.500.000.000	1.500.000.000			
2	Lập quy hoạch chi tiết xây dựng các điểm dân cư nông thôn ấp Thái Dũng xã Tân Tiến (giáp ranh với thị trấn Tân Phú)	Phòng Kinh tế và HT	7922679	1.000.000.000	500.000.000	500.000.000	0	0	942.355	942.355			
3	Quy hoạch chi tiết phía bắc khu TTHC huyện	Phòng Kinh tế và HT	7922680	2.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	0	0	1.000.000.000	1.000.000.000			

Stt	Tên danh mục dự án, công trình	Chủ đầu tư	Mã dự án	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giao năm 2021				Kế hoạch vốn năm 2021 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân đến 31/12/2022				Chí Chú	
					Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó				
						Nguồn vốn tính phân cấp theo định mức	Nguồn thu tiền sử dụng đất phân cấp	Nguồn tính hỗ trợ BTXM năm 2021		Nguồn vốn tính phân cấp theo định mức	Nguồn thu tiền sử dụng đất phân cấp	Nguồn tính hỗ trợ BTXM năm 2021		
1	2	3	4	5	6=7+8+9	7	8	9	10=11+12+13	11	12	13	14	
4	Lập quy hoạch chi tiết khu dân cư Chợ Thuận Phú	Phòng Kinh tế và HT	7916506	800.000.000	400.000.000	400.000.000	0	0	179.680.389	179.680.389				
5	Điều chỉnh quy hoạch khu dân cư xã Tân Tiến	Phòng Kinh tế và HT		1.000.000.000	500.000.000	500.000.000	0	0	500.000.000	500.000.000				
6	Lập quy hoạch chi tiết điểm dân cư, kết hợp chợ ấp Thạch Máng xã Tân Lợi	Phòng Kinh tế và HT	7918675	450.000.000	225.000.000	225.000.000	0	0	4.955.482	4.955.482				
7	Lập quy hoạch chung xã Tân Lập theo định hướng phát triển chung đô thị loại V	Phòng Kinh tế và HT		3.000.000.000	1.000.000.000	0	1.000.000.000	0	1.000.000.000	0	1.000.000.000			
III	ĐẦU TƯ DUY TRÌ HUYỆN ĐẠT CHUẨN NTM VÀ XÂY DỰNG XÃ ĐẠT CHUẨN NTM NĂNG CAO			19.400.000.000	17.637.000.000	0	17.637.000.000	0	4.223.748.907	0	4.223.748.907	0		
III.1	LĨNH VỰC HẠ TẦNG KỸ THUẬT			10.900.000.000	9.360.000.000	0	9.360.000.000	0	1.241.561.270	0	1.241.561.270	0	0	
1	Xây dựng đường quy hoạch Khu dân cư ấp 9 xã Tân Lập	Ban QLCD huyện	7885005	9.500.000.000	8.021.000.000	0	8.021.000.000	0	599.000.000	0	599.000.000			
2	San lấp mặt bằng QH KDC ấp 4, xã Đồng Tâm	Ban QLCD huyện	7881509	1.400.000.000	1.339.000.000	0	1.339.000.000	0	642.561.270	0	642.561.270			
III.2	LĨNH VỰC XÂY DỰNG DÂN DỤNG			8.500.000.000	8.277.000.000	0	8.277.000.000	0	2.982.187.637	0	2.982.187.637	0		
1	Xây dựng nhà ở cho cán bộ chiến sỹ Công an huyện Đồng Phú	Công an huyện	7898431	6.700.000.000	6.477.000.000	0	6.477.000.000	0	2.958.032.060		2.958.032.060			
3	Xây dựng Nhà văn hóa ấp 6, ấp 7, xã Tân Lập	UBND xã Tân Lập	7891140	1.800.000.000	1.800.000.000	0	1.800.000.000	0	24.155.577		24.155.577			
IV	ĐẦU TƯ TRƯỜNG HỌC ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA THAY THẾ PHÒNG HỌC XUỐNG CẤP VÀ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG NĂM 2018			37.700.000.000	21.146.000.000	5.619.000.000	15.527.000.000	0	156.664.896	28.800.000	127.864.896	0		
IV.1	LĨNH VỰC GIÁO DỤC			34.200.000.000	17.676.000.000	2.149.000.000	15.527.000.000	0	148.864.896	21.000.000	127.864.896	0	0	
1	Xây dựng 08 phòng học và 02 phòng chức năng điểm Thạch Máng Trường TH và THCS Tân Lợi, xã Tân Lợi	Ban QLCD huyện	7881515	6.300.000.000	6.293.000.000	1.253.000.000	5.040.000.000	0	72.000.000	0	72.000.000			
2	Xây dựng 02 phòng học điểm Nam Đồ, Trường TH&THCS Tân Phước	Ban QLCD huyện	7880013	1.100.000.000	1.098.000.000	108.000.000	990.000.000	0	4.300.000	0	4.300.000			
3	Xây dựng 04 phòng học điểm ấp 6 Trường TH Đồng Tiến	Ban QLCD huyện	7880017	2.600.000.000	2.520.000.000	180.000.000	2.340.000.000	0	12.374.967	0	12.374.967			
4	Xây dựng nhà thi đấu đa năng Trường THCS Tân Phú	Ban QLCD huyện	7880016	4.100.000.000	4.058.000.000	368.000.000	3.690.000.000	0	22.289.929	21.000.000	1.289.929			
5	Xây dựng 06 phòng học và 02 phòng chức năng Trường TH và THCS Thuận Lợi, xã Thuận Lợi	Ban QLCD huyện	7881513	5.300.000.000	400.000.000	240.000.000	160.000.000	0	13.900.000	0	13.900.000			
6	Xây dựng 12 phòng học Trường THCS Thuận Phú, xã Thuận Phú	Ban QLCD huyện	7922501	14.800.000.000	3.307.000.000	0	3.307.000.000	0	24.000.000	0	24.000.000	0		
IV.2	LĨNH VỰC KHOA HỌC CÔNG NGHỆ			3.500.000.000	3.470.000.000	3.470.000.000	0	0	7.800.000	7.800.000	0	0		
1	Đầu tư lĩnh vực khoa học công nghệ (Mua sắm trang thiết bị Trường TH Tân Phú; Trường TH Tân Tiến; Trường TH&THCS Tân Phước; Trường TH&THCS Đồng Tâm; Trường TH&THCS Thuận Lợi; Trường THCS Tân Tiến)	Phòng Kt và HT (Cơ quan Thường trực Hội đồng KHCHN huyện)	7887284	3.500.000.000	3.470.000.000	3.470.000.000	0	0	7.800.000	7.800.000	0	0		
V	DANH MỤC ĐƯỜNG BTXM THEO CƠ CHẾ ĐẶC THÙ			14.924.000.000	5.512.000.000	0	3.636.000.000	1.876.000.000	3.533.704.672		1.813.633.279	1.720.071.393		
1	Xây dựng đường BTXM tổ 7 ấp Thuận Tiến	UBND xã Thuận Lợi	7927111	1.305.000.000	806.000.000	0	806.000.000		388.408.110		388.408.110			
2	Xây dựng đường BTXM tổ 3 ấp Thuận Tân	UBND xã Thuận Lợi	7928518	957.000.000	804.000.000		709.000.000	95.000.000	497.765.533		402.765.533	95.000.000		

Stt	Tên danh mục dự án, công trình	Chủ đầu tư	Mã dự án	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn giao năm 2021				Kế hoạch vốn năm 2021 kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân đến 31/12/2022				Chi Chú
					Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			
						Nguồn vốn tính phân cấp theo định mức	Nguồn thu tiền sử dụng đất phân cấp	Nguồn tính hỗ trợ BTXM năm 2021		Nguồn vốn tính phân cấp theo định mức	Nguồn thu tiền sử dụng đất phân cấp	Nguồn tính hỗ trợ BTXM năm 2021	
1	2	3	4	5	6=7+8+9	7	8	9	10=11+12+13	11	12	13	14
3	Xây dựng đường BTXM tổ 4 nhà ông Châu đến nhà ông Ngộ ấp Tân Phú	UBND xã Thuận Phú	7923929	1.105.000.000	691.000.000		691.000.000		55.963.978		55.963.978		
4	Xây dựng đường BTXM tổ 5b từ Nhà ông Bách đến nhà ông Thủy ấp Đồng Búa	UBND xã Thuận Phú	7918614	566.000.000	476.000.000		476.000.000		203.495.658		203.495.658		
5	Xây dựng đường BTXM Đội 3 ấp Suối Bình	UBND xã Đồng Tiến	7940569	436.000.000	367.000.000		0	367.000.000	227.208.443		0	227.208.443	
6	Xây dựng đường BTXM từ nhà ông Thánh đi nhà ông Hồ ấp Đồng Búa	UBND xã Tân Lợi	7928502	1.484.000.000	237.000.000		230.000.000	7.000.000	237.000.000		230.000.000	7.000.000	
7	Xây dựng đường BTXM từ NVH ấp đến nhà ông Nông Văn Lương, ấp Đồng Búa	UBND xã Tân Lợi	7928503	392.000.000	12.000.000		12.000.000		12.000.000		12.000.000		
8	Xây dựng đường BTXM từ nhà ông Dụ đến nhà ông Đạt ấp Đồng Búa	UBND xã Tân Lợi	7928501	1.745.000.000	54.000.000		54.000.000		54.000.000		54.000.000		
9	Xây dựng đường từ nhà ông Phạm Xuân Đồng đi nhà ông Hoàng Trung Đồng nấp Suối Dồi	UBND xã Tân Hưng		349.000.000	203.000.000		0	203.000.000	203.000.000		0	203.000.000	
10	Xây dựng đường BTXM đội 2 đi đội 5 ấp Suối Dồi	UBND xã Tân Hưng	7903634	87.000.000	51.000.000		0	51.000.000	51.000.000		0	51.000.000	
11	Xây dựng đường BTXM đi nhà ông Nguyễn Xuân Hà đội 3, ấp Suối Nhung	UBND xã Tân Hưng		1.570.000.000	53.000.000		53.000.000		53.000.000		53.000.000		
12	Xây dựng đường BTXM từ đập tràn Suối Nhung đi ông Mưu ấp Cây Cây	UBND xã Tân Hưng	7914305	566.000.000	18.000.000		18.000.000		18.000.000		18.000.000		
13	Xây dựng đường BTXM từ nhà ông Lê Viết Thanh ấp Suối Nhung	UBND xã Tân Hưng	7914307	1.568.000.000	51.000.000		51.000.000		51.000.000		51.000.000		
14	Xây dựng đường BTXM tổ 44 ấp 4	UBND xã Tân Lập		244.000.000	152.000.000		0	152.000.000	152.000.000		0	152.000.000	
15	Xây dựng đường BTXM tổ 32 ấp 8	UBND xã Tân Lập		1.216.000.000	704.000.000		0	704.000.000	704.000.000		0	704.000.000	
16	Xây dựng đường BTXM tổ 22 ấp 5	UBND xã Tân Lập		410.000.000	254.000.000		0	254.000.000	254.000.000		0	254.000.000	
17	Xây dựng đường BTXM tổ 26A ấp 7	UBND xã Tân Lập		550.000.000	345.000.000		345.000.000		345.000.000		345.000.000		
18	Xây dựng đường BTXM tổ 30 ấp 8	UBND xã Tân Lập	7927498	374.000.000	234.000.000		191.000.000	43.000.000	26.862.950		0	26.862.950	
C	Kế hoạch vốn tính quản lý			130.000.000.000	0	0	5.000.000.000	0	0	0	1.368.000.000	0	
	Xây dựng đường giao thông từ ĐT.741 vào khu công nghiệp Nam Đồng Phú mở rộng	Ban QLCD huyện		130.000.000.000			5.000.000.000				1.368.000.000		NQ 03/NQ-HĐND tỉnh

BẢNG PHÂN BỐ KẾ HOẠCH VỐN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ CÁC CÔNG TRÌNH NĂM 2022

(Kèm theo Nghị quyết số

/NQ-HĐND ngày

/

/2022 của HĐND huyện)

Đvt: đồng

Stt	Tên danh mục dự án, công trình	Chủ đầu tư	Mã dự án	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2021 kéo dài sang 2022	Trong đó		Ghi chú
						Nguồn vốn tính phân cấp theo định mức	Nguồn thu tiền sử dụng đất phân cấp	
1	2	3	4	5	6=7+8	7	8	9
	TỔNG CỘNG			189.677.000.000	1.926.000.000	1.433.000.000	493.000.000	
	DANH MỤC ĐẦU TƯ MỚI NĂM 2022			189.677.000.000	1.926.000.000	1.433.000.000	493.000.000	
I	Danh mục tạm dừng 2021 chuyển sang 2022 thực hiện			6.000.000.000	60.000.000	60.000.000	0	
1	Xây dựng đường Nguyễn Huệ nối dài từ Tôn Đức Thắng đến đường Bắc Nam 3, khu phố Tân Liên, thị trấn Tân Phú.	Ban QLCD huyện		6.000.000.000	60.000.000	60.000.000	0	
II	Đầu tư TT Tân Phú lên đô thị loại IV; xã Tân Lập, lên đô thị loại V			22.200.000.000	380.000.000	380.000.000	0	
	Lĩnh vực giao thông			22.200.000.000	380.000.000	380.000.000	0	
1	Xây dựng vỉa hè, điện chiếu sáng đường Âu Cơ đoạn từ Phú Riêng Đò đến ĐT 741 và xây dựng đoạn CPSĐ từ Tôn Đức Thắng đến đường Bắc Nam 3, khu phố Tân Liên, thị trấn Tân Phú (giai đoạn 2)	Ban QLCD huyện		6.000.000.000	100.000.000	100.000.000	0	
2	Xây dựng đường Tổ 23 nối dài đến đường kết nối Tây Nam Đồng Xoài, thị trấn Tân Phú	Ban QLCD huyện		2.200.000.000	40.000.000	40.000.000	0	
3	Xây dựng đường quy hoạch D1 - Khu TTHC xã Tân Lập (đường bên hông Chợ)	Ban QLCD huyện		5.500.000.000	100.000.000	100.000.000	0	
4	Xây dựng đường tổ 8, tổ 10 khu phố Tân An, thị trấn Tân Phú	Ban QLCD huyện		3.500.000.000	60.000.000	60.000.000	0	

Stt	Tên danh mục dự án, công trình	Chủ đầu tư	Mã dự án	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2021 kéo dài sang 2022	Trong đó		Ghi chú
						Nguồn vốn tỉnh phân cấp theo định mức	Nguồn thu tiền sử dụng đất phân cấp	
1	2	3	4	5	6=7+8	7	8	9
5	Xây dựng chỉnh trang Công viên Khu Dân cư tập trung huyện	Ban QLCDA huyện		5.000.000.000	80.000.000	80.000.000	0	
III	Duy trì huyện đạt chuẩn nông thôn mới; xây dựng xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao			130.777.000.000	1.226.000.000	993.000.000	233.000.000	
a	Lĩnh vực giao thông			122.827.000.000	1.126.000.000	993.000.000	133.000.000	
1	Xây dựng đường DH Thuận Phú -Thuận Lợi (từ ĐT 758 vào ấp Đồng Búa), xã Thuận Phú	Ban QLCDA huyện		23.500.000.000	150.000.000	150.000.000	0	
2	Xây dựng đường vào Trường MN Đồng Tiến (điểm ấp 4)	Ban QLCDA huyện		800.000.000	30.000.000	30.000.000	0	
3	Xây dựng đường vào Điểm trường Km12 Trường TH và THCS Đồng Tâm, ấp 4, xã Đồng Tâm	Ban QLCDA huyện		1.200.000.000	30.000.000	30.000.000	0	
4	Nâng cấp, mở rộng đường nối từ ĐT 753 đi nghĩa trang Nhân dân huyện Đồng Phú	Ban QLCDA huyện	7946625	6.200.000.000	80.000.000	80.000.000	0	
5	Xây dựng đường trong khu căn cứ hậu cần huyện Đồng Phú	Ban QLCDA huyện		3.000.000.000	40.000.000	40.000.000	0	
6	Xây dựng đường GTNT ấp Phước Tiến đi ấp Nam Đô, xã Tân Phước	Ban QLCDA huyện		17.000.000.000	150.000.000	150.000.000	0	
7	Xây dựng đường từ ngã ba dây điện đi khu tình thương, ấp Suối Nhung, xã Tân Hưng	Ban QLCDA huyện		11.800.000.000	120.000.000	120.000.000	0	
8	Nâng cấp láng nhựa đường GTNT từ ấp Suối Đồi xã Tân Hưng đi ấp Cầu Rạt xã Tân Phước (đoạn trùng với đường TAPO5)	Ban QLCDA huyện		2.727.000.000	30.000.000	30.000.000	0	

Stt	Tên danh mục dự án, công trình	Chủ đầu tư	Mã dự án	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2021 kéo dài sang 2022	Trong đó		Ghi chú
						Nguồn vốn tính phân cấp theo định mức	Nguồn thu tiền sử dụng đất phân cấp	
1	2	3	4	5	6=7+8	7	8	9
9	Xây dựng đường từ DT741 (bên hông trường TH Tân Lập) đến KDC ấp 4, xã Tân Lập (TLA12)	Ban QLCDA huyện		10.000.000.000	100.000.000	100.000.000	0	
10	Xây dựng đường từ ĐT 758 (nghĩa trang Nhân dân xã Thuận Phú) đến ngã tư Bảy Thạnh, xã Thuận Lợi	Ban QLCDA huyện		10.000.000.000	100.000.000	100.000.000	0	
11	Xây dựng đường từ ngã ba Nhà ông Ba Thu đi ngã ba nhà ông Ba Nhu ấp Suối Nhung, xã Tân Hưng	Ban QLCDA huyện		15.000.000.000	154.000.000	154.000.000	0	
12	Xây dựng đường từ ĐT753 ấp Suối Da đến ấp 5 xã Tân Hưng	Ban QLCDA huyện		21.600.000.000	142.000.000	9.000.000	133.000.000	
b	Lĩnh dân dụng			7.950.000.000	100.000.000	0	100.000.000	
1	Xây dựng Nhà văn hóa ấp Thuận Phú 2 và Nhà văn hóa ấp Đồng Búa, xã Thuận Phú	UBND xã Thuận Phú		2.500.000.000	30.000.000	0	30.000.000	
2	Xây dựng nhà làm việc một cửa xã Thuận Phú	UBND xã Thuận Phú		2.500.000.000	30.000.000	0	30.000.000	
3	Xây dựng chỉnh trang khuôn viên khu Tượng đài Thuận Phú	UBND xã Thuận Phú		1.000.000.000	20.000.000	0	20.000.000	
4	Xây dựng trụ sở làm việc Ban CHQS xã Thuận Phú	Ban QLCDA huyện	7947059	1.950.000.000	20.000.000	0	20.000.000	
IV	Đầu tư trường học đạt chuẩn quốc gia			22.400.000.000	190.000.000	0	190.000.000	
a	Lĩnh dân dụng			18.600.000.000	160.000.000	0	160.000.000	
1	Xây dựng 02 phòng học, nhà bếp Trường MN Thuận Lợi (điểm lẻ)	Ban QLCDA huyện	7947054	2.000.000.000	30.000.000	0	30.000.000	
2	Xây dựng 02 phòng học điểm ấp 4 Trường MN Đồng Tiến (Điểm lẻ)	Ban QLCDA huyện	7947053	2.000.000.000	30.000.000	0	30.000.000	

Stt	Tên danh mục dự án, công trình	Chủ đầu tư	Mã dự án	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2021 kéo dài sang 2022	Trong đó		Ghi chú
						Nguồn vốn tỉnh phân cấp theo định mức	Nguồn thu tiền sử dụng đất phân cấp	
1	2	3	4	5	6=7+8	7	8	9
3	Xây dựng 06 phòng chức năng trường MN Tân Tiến	Ban QLCD huyện	7947055	6.800.000.000	50.000.000	0	50.000.000	
4	Xây dựng 06 phòng học chức năng, nhà bếp nhà kho Trường MN Thuận Phú	Ban QLCD huyện	7947056	7.800.000.000	50.000.000	0	50.000.000	
b	Lĩnh vực khoa học công nghệ			3.800.000.000	30.000.000	0	30.000.000	
1	Đầu tư lĩnh vực khoa học công nghệ (Mua sắm trang thiết bị phòng Anh văn (phòng Lab) các trường: TH Tân Phú, TH Tân Lập, TH và THCS Tân Hưng, TH và THCS Thuận Lợi và Phòng tin học TH và THCS Tân Phước)	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	7947806	3.800.000.000	30.000.000	0	30.000.000	
V	Lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật, quy hoạch			8.300.000.000	70.000.000	0	70.000.000	
1	Lát gạch vỉa hè các tuyến đường khu TTMM huyện	Ban QLCD huyện	7946626	3.300.000.000	30.000.000	0	30.000.000	
2	Cắm mốc theo quy hoạch đã được duyệt	Phòng Kinh tế và Hạ tầng		5.000.000.000	40.000.000	0	40.000.000	